

Quá trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang diễn ra nhanh chóng, quyết liệt và trở thành xu thế phát triển không thể đảo ngược của nền kinh tế thế giới hiện nay. Trong quá trình này, sự liên kết và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế trên thế giới nói chung và các doanh nghiệp trong nền kinh tế của mỗi quốc gia nói riêng đang ngày một gia tăng, được thể hiện ở xu hướng tăng cường các hoạt động hợp tác song phương, đẩy mạnh hợp tác đa phương và liên kết khu vực.

Trong những năm qua, Việt Nam đã thực hiện hàng loạt biện pháp nhằm tự do hoá các hoạt động kinh tế, mở cửa thị trường, đẩy mạnh việc thu hút đầu tư cả trong và ngoài nước, phát triển khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; tăng cường việc mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Chỉ riêng quý I/2007 kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp ước đạt 7,94 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 75,7% kim ngạch xuất khẩu cả nước và tăng hơn 18% so với cùng kỳ năm trước. Trừ mặt hàng xe đạp và phụ tùng đang tiếp tục suy giảm; hầu hết các mặt hàng trong danh mục hàng công nghiệp xuất khẩu chủ lực (hàng điện tử và linh kiện máy tính, sản phẩm nhựa, dây điện và cáp điện...) đều có mức tăng trưởng từ 20% trở lên.

Phát triển DN Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

Thạc sỹ Hoàng Văn Dũng

Cơ hội lớn nhất mà ngành công nghiệp Việt Nam đã đạt được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế 20 năm qua là đã mở thêm được nhiều thị trường mới. Với việc ký kết Hiệp định Thương mại mậu dịch tự do ASEAN (ASEAN Free Trade Area-AFTA), Việt Nam có cơ hội tiếp cận với thị trường được đánh giá là năng động nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trung bình hàng năm trên 7%.

Bên cạnh đó, thông qua Chương trình hợp tác công nghiệp ASEAN (ASEAN Industrial Cooperation Scheme-AICO), các doanh nghiệp Việt Nam có được các ưu đãi về hưởng mức thuế quan ưu đãi từ 0-5% trong việc buôn bán các sản phẩm công nghiệp giữa các doanh nghiệp tham gia, được công nhận tỷ lệ nội

địa hoá trong sản phẩm và được hưởng các ưu đãi phi thuế quan khác do các nước nội khối quy định. Hội nhập kinh tế quốc tế cũng đã tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp Việt Nam có điều kiện làm quen, tiếp cận và ứng dụng các kỹ thuật công nghệ cao cũng như các phương thức, tác phong công nghiệp của các nước có nền công nghiệp phát triển như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản. Nhờ đó mà các doanh nghiệp của chúng ta có thể nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm các chi phí về nhân công, rút ngắn chu kỳ sản xuất của sản phẩm, đồng thời cũng đã tạo ra được những sản phẩm mới đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về chất lượng và mẫu mã từ các nhà nhập khẩu, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng đặt các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam trước nhiều thách thức lớn. Các doanh nghiệp Việt Nam đang tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Vấn đề được đặt ra chính là các doanh nghiệp Việt Nam đang được định vị như thế nào trong chuỗi giá trị toàn cầu này? Trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua, Việt Nam đã tiếp nhận khá thuận lợi nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Nhưng các doanh nghiệp Việt Nam đang bỏ lỡ một cơ hội lớn là trong khi dòng vốn đầu tư nước ngoài chảy vào rất mạnh thì khả năng hấp thụ, tiếp thu chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lại rất hạn chế. Lý do chính là chúng ta còn thiếu vắng hẳn một nền công nghiệp phụ trợ với những nguyên nhân sâu xa như:

- Có quá ít doanh nghiệp Việt Nam làm công nghiệp phụ trợ, nếu có thì chủ yếu tham gia khâu đóng gói, bao bì. Hiện tại, phần lớn các nhà cung cấp linh phụ kiện cho các Công ty nước ngoài cũng lại là những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Khoảng cách về tiêu chuẩn chất lượng giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài quá lớn. Một thực trạng khác là các doanh nghiệp trong nước có quy mô vừa và nhỏ nên khả năng đáp ứng về yêu cầu chất lượng rất kém.

- Các doanh nghiệp quốc doanh trong ngành công nghiệp phụ trợ vẫn duy trì phong cách làm ăn tự cung tự cấp.

- Việt Nam có rất ít thông tin về liên kết chuỗi phụ công nghiệp. Các doanh nghiệp Việt Nam không tìm kiếm được những thông tin về khả năng giao thầu của các doanh nghiệp lớn, nhất là của các doanh nghiệp nước ngoài. Trong khi đó, các doanh nghiệp nước ngoài cũng có rất ít thông tin về các nhà thầu phụ Việt Nam.

- Các doanh nghiệp nước ngoài thực sự ngần ngại khi phải ký hợp đồng thương mại với các nhà thầu phụ Việt Nam do môi trường pháp lý chưa thực sự thuận lợi. Vấn đề chính là nỗi lo sợ khi hợp đồng bị phá vỡ. Các nhà cung cấp Việt Nam thiếu hiểu biết về các khía cạnh pháp lý của hợp đồng. Bên cạnh đó việc thực thi các phán quyết "khó tiên liệu" của trọng tài khi hợp đồng bị phá vỡ

cũng làm nản lòng các nhà thầu chính.

- Vấn đề liên kết doanh nghiệp ở đây có ý nghĩa về mặt nâng cao khả năng cạnh tranh trong nội bộ ngành, sử dụng lợi thế cạnh tranh của khu vực, khai thác chuỗi giá trị để tạo nên sản phẩm mang tính cạnh tranh cao. Ở nhiều nước trên thế giới, việc liên kết này có thể được hình thành thông qua phát triển các cụm công nghiệp được hình thành thiếu quy hoạch tổng thể, chủ yếu để giải quyết vấn đề mặt bằng sản xuất, hơn là tạo nên chuỗi giá trị thông qua việc liên kết doanh nghiệp, kể cả các sử dụng các dịch vụ tài chính và phi tài chính để khai thác lợi thế cạnh tranh.

Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ là quan trọng đối với quá trình công nghiệp hoá của Việt Nam. Ngày 23/4/2007, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt danh mục 7 ngành công nghiệp ưu tiên và 3 ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007-2010, tầm nhìn đến năm 2020. Theo Quyết định này, các ngành được ưu tiên phát triển gồm dệt may, da giày, nhựa, chế biến nông-lâm-thủy hải sản, thép, khai thác-chế biến boxit nhôm, hoá chất, cơ khí chế tạo, thiết bị điện tử-viễn thông và công nghệ thông tin, sản phẩm từ công nghệ mới. Quyết định nêu rõ, các ngành công nghiệp ưu tiên được áp dụng một số chính sách khuyến khích phát triển về đất đai, xúc tiến thương mại và nghiên cứu triển khai. Cụ thể ưu tiên về đất trong các khu, cụm, điểm công nghiệp khi có dự án sản xuất được đầu tư mới; Hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp xây dựng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế (thông qua các hiệp hội ngành hàng) và hỗ trợ ngân sách cho các dự án nghiên cứu triển khai và các dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm từ công nghệ mới.

Thực hiện được chiến lược phát triển các ngành công nghiệp trên, thì chính sách phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, phát triển các chuỗi cung ứng công nghiệp cần phải được gấp rút xây dựng và triển khai. Cần phải thống nhất một cách nhìn hết sức thực tiễn rằng việc phát triển ngành công nghiệp phụ trợ không chỉ có lợi cho đất nước nói chung mà còn mang rất nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp lớn, vì thế nhà nước cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp lớn tham gia đóng góp vào chương trình này.

Để phát triển ngành công nghiệp phụ trợ và tăng cường mối liên kết thì cần phải phát triển và hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNN&V) vì các doanh nghiệp này chính là nòng cốt trong quá trình phát triển công nghiệp phụ trợ. Đây cũng là khu vực doanh nghiệp năng động nhưng cũng dễ bị tổn thương. Với chính sách phát triển công nghiệp phụ trợ một cách phù hợp, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ ngày càng nâng cao được khả năng cạnh tranh của mình tiếp cận được với thị trường công nghiệp và định vị cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Khi đó, chắc chắn Việt Nam sẽ có một nền công nghiệp hiện đại và tăng trưởng bền vững ■